TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 23 -7-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH - QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: ông Đỗ Quốc Tân
Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải
- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: không.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 75/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/4/2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1993
Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
Bị đơn: anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1984
Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà chị Lê Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Tr có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2014 tại UBND xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống cùng nhau nhưng anh Tr luôn tạo cảm giác khó chịu đối với chị, không quan tâm chia sẽ cùng chị trong những lúc vui buồn, khó khăn, vất vã. Chị đã cố gắng vượt qua khó khăn, chia sẽ cùng chồng để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh Tr

vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Văn Tr để sớm ổn định cuộc sống bản thân và nuôi dạy con chung.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 15/5/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Tr trình bày: anh và chị Lê Thị Cẩm T có quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 26/6/2014 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bên ngoại được một thời thì anh đi nước ngoài làm ăn, khi đang làm ăn ở nước ngoài anh vẫn gữi tiền về đều đặn cho vợ con. Tuy nhiên, sau đó anh về nước chung sống với vợ con, quá trình chung sống thì có lời qua tiếng lại nên mới có mâu thuẫn xảy ra. Ngày 24/4/2020 chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh, ngày 15/5/2020 Tòa án đã tổ chức hòa giải, tại buổi hòa giải chị T cương quyết ly hôn nhưng anh không đồng ý và mong muốn Tòa án cho thêm thời gian để thuyết phục vợ làm lại từ đầu với mục đích vợ chồng về đoàn tụ. Anh đã nhờ bố mẹ tác động hòa giải cho vợ chồng, tuy nhiên cho đến nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm muốn được ly hôn với anh vì tình cảm không còn. Mặc dù, anh rất muốn níu giữ hạnh phúc gia đình nhưng chị T không đồng ý, mặt khác anh nghĩ chị T đã không còn tình cảm với mình thì có níu kéo cũng vô ích chính vì vậy anh cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị T. Nhưng hiện tại anh vì cuộc sống mưu sinh đã đi làm ăn, không thể trực tiếp đến Tòa để giải quyết vụ án nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử vắng mặt tôi anh, chấp nhận đơn ly hôn của chị T giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: chị T và anh Tr đều trình bày, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 09/9/2014. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh Tr đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Anh Tr cũng có nguyện vọng được nuôi con nhưng hiện tại con còn quá nhỏ, cuộc sống của anh chưa ổn định, chưa đủ đều kiện để nuôi con nên anh đồng ý giao con cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian con chưa đủ 18 tuổi, cuộc sống của anh tốt hơn, đủ điều kiện chăm sóc con tốt hơn chị T hoặc chị T đi lấy chồng thì anh có nguyện vọng được nuôi con mà không cần chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh Tr thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm T và các tài liệu kèm

theo đơn khởi kiện, Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được, anh Nguyễn Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, thông cảm và tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cả vả, có lời nói xúc phạm và thiếu tôn trọng nhau. Hiện tại chị T khẳng định vợ chồng không còn tình cảm, không thể trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn anh Tr để sớm ổn định cuộc sống bản thân; còn anh Tr tuy mong muốn vợ chồng đoàn tụ để làm lại, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vì chị T vẫn cương quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị T. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện vợ chồng đã sống ly thân nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị T và anh Tr thấy hiện con chung Nguyễn Ngọc L đang còn nhỏ và đang ở cùng với chị T, vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận yêu cầu, nguyện vọng của chị T, anh Tr là giao con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc anh Tr có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với nghuyện vọng cả hai bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81,82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị T và anh Tr đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị T, anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm T, xử cho chị Lê Thị Cẩm T ly hôn anh Nguyễn Văn Tr. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 09/9/2014 cho chị Lê Thị Cẩm T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003444 ngày 24/4/2020. Chị T đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Nguyễn Văn Tr phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/7/2020) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Hưng Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Quốc Tân